

Bản án số: 87/2026/HNGĐ - ST

Ngày 26/02/2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2026/TLST- HNGĐ ngày 09/12/2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐST - HNGĐ ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vương Thị N**, sinh ngày 14/8/1991; CCCD số 001191003871 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 02/5/2021.

Nơi thường trú: Đội 4, **thôn T, xã P, thành phố Hà Nội (xã H, huyện Q cũ)**.

Nơi ở hiện nay: **Thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội (xã Đ, huyện Q cũ)**; Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1991; CCCD số 001091033930 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 24/6/2021.

Địa chỉ: **Đ, thôn T, xã P, thành phố Hà Nội (xã H, huyện Q cũ)**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị **Vương Thị N** trình bày:

Tôi kết hôn với anh **Nguyễn Hữu C** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q** cũ nay là **xã P, thành phố Hà Nội** vào ngày 30/01/2023. Chúng tôi được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo

phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, tôi thuê nhà sống cùng anh C ở thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội. Đến cuối tuần, vợ chồng tôi lại về sống cùng gia đình anh C. Vợ chồng tôi chung sống hòa thuận được khoảng một tháng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C ham chơi, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần nhiều. Tôi và gia đình anh có khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Tháng 9 năm 2023, vợ chồng tôi sống ly thân. Tôi về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội sinh sống.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Hữu C.

+ Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu C có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Gia B, sinh ngày 04/12/2023. Hiện nay, cháu B đang sống với tôi. Khi ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hữu Gia B và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- **Tại bản tự khai ngày 16/12/2025, Bị đơn là anh Nguyễn Hữu C trình bày:**

Tôi kết hôn với chị Vương Thị N tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q (nay là xã P), thành phố Hà Nội vào ngày 30/01/2023. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương thì chị N về chung sống với tôi và gia đình tôi tại thôn T, xã P, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu, vợ chồng tôi chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Khoảng 6 - 7 tháng sau, vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn do chị N không chung thủy. Chị N tự nguyện dọn đồ, quần áo chuyển về nhà bố mẹ đẻ, tôi không đuổi chị N. Vợ chồng tôi sống ly thân mỗi người một nơi.

Tôi xác định vợ chồng tôi không ở được với nhau nên chị N xin ly hôn tôi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và chị N được ly hôn để hai bên được ổn định cuộc sống riêng.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Gia B, sinh ngày 04/12/2023. Hiện nay, cháu Nguyễn Hữu Gia B đang ở với chị N. Sau ly hôn, tôi để cho chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hữu Gia B và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn.

+ Về hôn nhân:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39 BLTTDS 2015; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và 273 BLTTDS.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vương Thị N**. Chị **Vương Thị N** được ly hôn anh **Nguyễn Hữu C**.

+ Về con chung: Chị **Vương Thị N** và anh **Nguyễn Hữu C** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hữu Gia B**, sinh ngày 04/12/2023. Giao cháu **Nguyễn Hữu Gia B** cho chị **Vương Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **Nguyễn Hữu Gia B** đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Nguyễn Hữu C** cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều xác nhận là không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Vương Thị N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Vương Thị N** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Nguyễn Hữu C** và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh **Nguyễn Hữu C** có đăng ký thường trú tại **thôn T, xã P, thành phố Hà Nội**. Căn cứ vào điều 28, 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ngày 26/01/2026, nguyên đơn là chị **Vương Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh **Nguyễn Hữu C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày

06/02/2026, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST- HNGĐ ngày 06/02/2026 và đã tổng đạt hợp lệ cho anh C Quyết định này. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Nguyễn Hữu C tiếp tục vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vương Thị N và anh Nguyễn Hữu C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q (nay là xã P), thành phố Hà Nội vào ngày 30/01/2023. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị N, anh C được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của chị N thì sau khi kết hôn được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C ham chơi, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nần. Theo lời khai của anh C thì vợ chồng anh mâu thuẫn do chị N không chung thủy. Tình cảm, vợ chồng không hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị N và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và đều thống nhất ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị N và anh Nguyễn Hữu C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Vương Thị N yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Vương Thị N và anh Nguyễn Hữu C có 01 con chung là Nguyễn Hữu Gia B, sinh ngày 04/12/2023. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Gia B và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía anh C đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung.

Cháu Nguyễn Hữu Gia B còn nhỏ (dưới 03 tuổi), hiện đang sống ổn định về sinh hoạt cùng với chị N. Việc tiếp tục giao cháu B cho chị Vương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm sự ổn định tâm sinh lý cho cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu B cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của cháu B nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị N. Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Nguyễn Hữu C** cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị **Vương Thị N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Vương Thị N** về việc xin ly hôn anh **Nguyễn Hữu C**. Chị **Vương Thị N** được ly hôn anh **Nguyễn Hữu C**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hữu Gia B**, sinh ngày 04/12/2023 cho chị **Vương Thị N** trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu **Nguyễn Hữu Gia B** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

Anh **Nguyễn Hữu C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Nguyễn Hữu C** cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị **Vương Thị N** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019246 ngày 09/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Vương Thị N** và anh **Nguyễn Hữu C** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- UBND xã Phú Cát - TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Sáng